



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 - 0912.532.513 Email: dem386@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00947/2026/PKQ (481.02W2602.0058-0065)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH KCN THĂNG LONG VINH PHÚC
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long III, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 8
Thời gian lấy mẫu : 04/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 04/02/2026 - 25/02/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả								QC VN 01-1:2024/BYT Người giới hạn cho phép
				NS01	NS02	NS03	NS04	NS05	NS06	NS07	NS08	
1.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2023	<5	<5	<5	<5	<5	<5	<5	<5	15
2.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV:2024 (Ref SMEWW 2150&2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	2
4.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,1	7,2	7,3	7,4	7,2	7,3	7,3	7,4	6 ÷ 8,5
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ - tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	1
6.	Asen tổng số ^(a)	mg/L	US EPA 6020B:2014	0,001	0,001	0,0008	0,001	0,0009	0,0009	0,0013	0,0007	0,01
7.	Chỉ số Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	0,96	0,5	<0,5	0,64	1,12	0,96	0,5	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao mỗi phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 - 0912.532.513 Email: dcmt386@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả								QCVN 01-1:2024/BYT
				NS01	NS02	NS03	NS04	NS05	NS06	NS07	NS08	
8.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,88	0,45	0,9	0,86	0,92	0,59	0,59	0,64	Ngưỡng giới hạn cho phép
9.	Tự cầu vàng ^(a)	CFU/10ml	SMEWW 9213B: 2023	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,2 ÷ 1
10.	Trực khuẩn mủ xanh ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	<1
11.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	<1
12.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	<1

Ghi chú:

- NS01: Nước sạch tại bể chứa
- NS02: Nước sạch tại nhà máy cho thuê RF 3,4,5
- NS03: Nước sạch trên đường ống
- NS04: Nước sạch tại nhà máy cho thuê RF 6,7,8
- KPH: Không phát hiện
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- NS05: Nước sạch tại nhà máy cho thuê RF 1,2
- NS06: Nước sạch trên đường ống tại trạm B4
- NS07: Nước sạch tại bể chứa nước sạch tại trạm điện
- NS08: Nước sạch bể chứa tại nhà điều hành
- (a): Thông số được Vilas công nhận

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thắng

QA/QC

Nguyễn Thị Hương

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.